

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 03 - 2023

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Hồ Quang Minh

Ông: Nguyễn Minh Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn Â, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị M, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2023 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Anh Â và chị M kết hôn với nhau vào năm 2000, khi cưới không đăng ký kết hôn (có xác nhận của Ủy ban thị trấn S ngày 21.02.2023), quá trình chung sống có 2 con chung, cháu lớn đã trưởng thành, cháu nhỏ là Nguyễn Thị Diễm Q sinh ngày 4.4.2006 (hiện cháu Q đang sống cùng chị M).

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, vợ chồng sống ly thân nay là 13 năm không có thiện chí hàng gần trở lại. Nay xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với Nguyễn Thị M.

Về tài chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Thống nhất theo nguyện vọng của con nếu sống với ai người đó nuôi, nếu Q đồng ý sống với M thì tôi đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Bị đơn Nguyễn Thị M trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của anh A, nay xét thấy không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn, về con chung có nguyện vọng sống với tôi thì tôi nuôi, yêu cầu anh A cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến với cháu Nguyễn Thị Diễm Q sinh ngày 4.4.2006, cháu có nguyện vọng sống với chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án*: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án*: Đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn*: Xét thấy anh A và chị M tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000 và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng anh A và chị M1 không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng là phù hợp;.

[5] *Xét về con chung*: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 4/4/2006, từ ngày chị M và anh A sống ly thân với nhau cháu Q được chị M nuôi dạy và chị M yêu cầu được nuôi cháu Q. Hơn nữa cháu Q có nguyện vọng sống với chị M. Do đó chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Diễm Q cho chị M nuôi dạy là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị M yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng là 3.000.0000 đồng. Xét thấy sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị M yêu cầu anh A cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng, anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng của anh A không trái với quy định của pháp luật, nên chấp nhận việc thỏa thuận trên, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng là 3.000.000 đồng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Anh A có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này và anh A phải tôn trọng quyền của cháu Q được sống với chị M là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung và cũng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Xét về án phí*: Anh A phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn A.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm nuôi cháu Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 4/4/2006 (cháu Q hiện chị M đang trực tiếp nuôi dạy). Anh A phải cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 29.03.2023, mỗi tháng cấp 1 lần vào ngày đầu tháng.

Anh A có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh A thực hiện quyền này và anh A phải tôn trọng quyền của cháu Q được sống với chị M.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh A phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, anh A đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0006235 ngày 24/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ, phần còn lại phải nộp tiếp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung